TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------** Bản án số: 02/2018/HC-ST Ngày : 16 /11/2018 ***Về việc:****Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- ★★★ ----------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đinh Quang Huấn**

Ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Đặng Thị Vân Kiều -** *Cán bộ TAND huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội .*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: **Bà Tô Thu Thủy** - *Kiểm sát viên*

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2015/TLST - HC ngày 01/06/2015 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất và bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐST-HC ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: **Ông Nhân Văn H** - Sinh năm 1939 Có mặt

Cư trú tại: thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Chị Nhân Thị H - Sinh năm: 1971 Có mặt

Cư trú tại: Đội 6, thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 1675/2014/GUQ ngày 23/12/2014 tại Văn phòng Công chứng H, thành phố Hà Nội)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Hoàng Văn T - SN: 1983,Văn phòng Luật sư T, trụ sở: Số 6/19 phố Nguyễn Thị Đ, quận C, thành phố Hà Nội Có mặt

- Người bị kiện:- **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN T, thành phố Hà Nội**

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T

Trụ sở: Thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn N

Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến C - Sinh năm: 1972 vắng mặt

Chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 146/GUQ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND huyện T).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị D - sinh năm: 1939 có mặt

Cư trú tại: thôn N, xã N, huyện N, thành phố Hà Nội

2. Anh Nhân Văn H_1 - sinh năm: 1962 vắng mặt

3.Anh Nhân Văn H_2 - sinh năm: 1967 Vắng mặt

4. Chị Nhân Thị L_1 - sinh năm: 1974 Có mặt

5. Chị Nhân Thị U - sinh năm:1964. Có mặt

6. Anh Nhân Văn D sinh năm: 1976 Có mặt

7. Chị Nhân Thị H_1 sinh năm: 1979 Có mặt

8. Chị Nhân Thị H_2 sinh năm 1971 Có mặt

9. Chị Nhân Thị L_2 sinh năm 1960 Có mặt

Cùng trú tại: Đội 6, thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chị Nhân Thị H_1 uỷ quyền cho Nhân Thị H_2 làm đại diện. Theo văn bản uỷ quyền số công chứng 140/2018/ GUQ: quyển số 01/TP/CC-SHH ngày 10/01/2018 tại Văn phòng công chứng Q - Thành phố Hà Nội.

10. UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết K sinh năm 1965.

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án hành chính ngày 29/10/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2018 và các văn bản khai tiếp theo, người khởi kiện là ông Nhân Văn H do chị Nhân Thị H_2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 06(3) tờ bản đồ 40 diện tích 360m2, loại đất trồng lúa và hoa màu và kinh tế gia đình, tại thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, có nguồn gốc là đất 5% được chia theo chủ trương của Nhà nước từ những năm 1960, chia theo đầu người để trồng rau, cấy lúa tăng gia cho xã viên khi vào Hợp tác xã. Diện tích đất này nằm liền kề khu dân cư, hàng năm gia đình ông vẫn cấy hai vụ lúa và trồng rau màu để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Đây là nguồn thu nhập chính của gia đình ông. Từ khi được chia cho đến nay, gia đình ông sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp, sử dụng vào mục đích duy nhất là làm kinh tế gia đình, sản xuất nông nghiệp và thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ nộp thuế, đóng thuế đầy đủ đối với Nhà nước.

Diện tích 360m2 đất nông nghiệp kinh tế gia đình bị thu hồi nằm trong tổng số 2.960m2 đất nông nghiệp tại xã N mà ông Nhân Văn H đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1268 ngày 12/6/2006. Ông Nhân Văn H có vợ là bà Nguyễn Thị D, có 8 người con chung gồm: chị Nhân Thị L_1, anh Nhân Văn H_1, chị Nhân Thị H_1, Nhân Văn H_2, chị Nhân Thị U, chị Nhân Thị L_2, chị Nhân Thị H_2, anh Nhân Văn D. Trong diện tích đất nông nghiệp 360m2 bị thu hồi thì: *ông H có 36m2 trong đó bà D được Nhà nước chia 36m2 và* chị Nhân Thị L_1, anh Nhân Văn H_1, chị Nhân Thị H_1, Nhân Văn H_2, chị Nhân Thị U, chị Nhân Thị L_2, chị Nhân Thị H_2, anh Nhân Văn D mỗi người được chia 36 m2.

Ngày 5/5/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn đường V - N và dự án cầu N.

Ngày 4/9/2014 Uỷ ban nhân xã N đưa thông báo yêu cầu bàn giao mặt bằng.

Ngày 22/8/2013, UBND huyện T ban hành Quyết định 5516/QĐ-CTUBND về việc thu hồi 360m2 đất của gia đình ông.

Cả 02 quyết định trên gia đình ông không được nhận theo đúng thời gian quy định của pháp luật. Do vậy ông không biết để khiếu nại lên cấp có thẩm quyền tiếp theo.

Ông không đồng ý với quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và quyết định cưỡng chế nêu trên vì những lý do sau:

- UBND huyện T tự ý ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thu hồi đất mà không có phê duyệt của cấp trên. Việc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất căn cứ vào Quyết định 95/QĐ-KHĐT ngày 30/5/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội là không đúng thẩm quyền; chuyển đổi mục đích đất trồng lúa sang làm đất dự án chưa có sự chấp thuận của Hội đồng nhân dân các cấp là không đúng

quy định tại Nghị định 12/2009 về quản lý đầu tư xây dựng công trình và Nghị định 42/2012 của Chính phủ về quản lý đất trồng lúa.

- Việc hỗ trợ cho gia đình ông bằng tiền mà không trả bằng đất hoặc chung cư là không đúng quy định tại Quyết định 108/2009 của UBND TP Hà Nội.

- Khi ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường nêu trên đối với gia đình ông, UBND huyện T đã thực hiện không đúng trình tự, thủ tục, xác định loại đất thu hồi là sai so với loại đất đã ghi trong giấy chứng nhận (trong giấy chứng nhận QSDĐ ghi là đất kinh tế gia đình, nhưng trong quyết định thu hồi lại ghi là đất nông nghiệp), do vậy dẫn đến thiệt hại cho gia đình ông khi xác định mức bồi thường.

- Gia đình ông đã không được nhận quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường do UBND huyện T ban hành theo đúng quy định của pháp luật nên đã không khiếu nại được các quyết định này đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo.

Ngoài ra UBND huyện T đã có những hành vi sai trái như sau:

+ Hành vi không đo vẽ, kiểm đếm trên thực địa đối với phần diện tích đất bị thu hồi.

+ Hành vi không giao quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, mà chỉ thông báo cho hộ gia đình ông H lên nhận tiền.

+ Hành vi không mời họp, không xác định rõ các thành viên trong hộ gia đình ông Nhân Văn H để lên phương án bồi thường.

+ Hành vi ban hành quyết định cưỡng chế, tiến hành thủ tục cưỡng chế không đúng trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 69/2009 của Chính phủ.

Từ các quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện T mà hộ gia đình ông H đã bị thiệt hại khoảng 230.000.000 đồng do không trồng được rau màu. Thiệt hại này ông H chỉ tính trên thực tế chứ không có tài liệu chứng minh.

Từ những lý do trên, ông H yêu cầu TAND huyện T xem xét giải quyết những vấn đề sau:

+ Tuyên các hành vi hành chính của UBND huyện T khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ thu hồi, bồi thường, cưỡng chế giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án này đối với gia đình ông là trái quy định của pháp luật nên cần chấm dứt các hành vi này; bồi thường thiệt hại về sản xuất khi gia đình ông không sản xuất được theo thực tế.

+ Tuyên hủy Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 về việc thu hồi 360m2 đất của gia đình ông; hủy Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và hủy Quyết định 6234/QĐ-CTUBND ngày 04/11/2014 về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T

phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn đường V - N và dự án cầu N.

+Tuyên huỷ các số thông báo: cưỡng chế số 376 ngày 15/12/2014 và thông báo số 75 về việc bàn giao mặt bằng đối với gia đình ông H.

+ Tuyên buộc UBND huyện T phải trả lại và giữ nguyên hiện trạng, khôi phục sản xuất, thu dọn vật liệu, xúc đất cát đã đổ để gia đình ông tiếp tục sản xuất. Ông yêu cầu được bồi thường thiệt hại do đất bị thu hồi nên gia đình ông không cấy lúa và trồng rau màu, tổng thiệt hại là 230.000.000 đồng.

Ông H cam đoan không đồng thời khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại vào thời điểm TAND huyện T thụ lý vụ án.

Tại văn bản ngày 20/8/2015 và các lời khai tiếp theo, người bị kiện là UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T do ông Nguyễn Tiến C đại diện theo ủy quyền có quan điểm:

Ngày 15/10/2010, UBND thành phố Hà Nội có Văn bản số 8237/UBND-KH&ĐT giao cho UBND huyện T làm chủ đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn các xã T, xã N, xã N, xã L thuộc huyện T để phục vụ nhu cầu tái định cư của Dự án cải tại nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn đường V - N và dự án đầu tư xây dựng công trình cầu N tại Km186+300 Quốc lộ 1A, huyện T.

Ngày 17/01/2011, UBND thành phố Hà Nội có văn bản số 378/UBND-KH&ĐT về việc chấp thuận bố trí kế hoạch chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn đường V - N và Dự án cầu N, giao chủ đầu tư là UBND huyện T.

Ngày 30/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư - UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và Dự án cầu N.

Thực hiện Thông báo thu hồi đất 201/TB-UBND ngày 06/9/2011 của UBND huyện T về chủ trương thu hồi đất để thực hiện công tác Giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T nói trên, UBND huyện T đã triển khai công tác giải phóng mặt bằng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Ngày 14/5/2012, tổ chức họp các hộ dân để công khai các văn bản pháp lý và thông báo triển khai công tác giải phóng mặt bằng.

- Sau khi tổ chức họp các hộ dân, các đơn vị có liên quan tiến hành công tác kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án. Sau đó, căn cứ vào Giấy xác nhận của UBND xã N, Tổ công tác giải phóng mặt bằng kiểm kê đất và tài sản đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và công khai dự thảo

phương án theo quy định tại Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội.

- Ngày 26/3/2013, công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo Thông báo số 16/TB-HĐBT&TĐC ngày 25/3/2013.

- Hết thời gian công khai theo quy định, ngày 27/3/2013 và ngày 26/4/2014, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thẩm định và thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với 23 hộ gia đình cá nhân , tổ chức còn lại (trong đó có hộ gia đình ông Nhân Văn), sau khi UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1789/QĐ- UBND ngày 03/4/2014 về việc thu hồi 6.058m2 đất tại xã N, huyện T cho UBND huyện T thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N, ngày 05/5/2014, UBND huyện T đã ban hành các Quyết định về việc phê duyệt số 2060/QĐ- UBND ngày 05/5/2014.

Ngày 07/5/2014 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ có Thông báo số 37/TB-HĐBT, HT và TĐC thông báo địa điểm, thời gian niêm yết công khai và giao Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, thời gian bàn giao mặt bằng.

- Ngày 20/5/2014 Tổ công tác , tổ chức giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình nhưng có 12 hộ nhận, còn 11 hộ không nhận. Hộ gia đình ông Nhân Văn H nhận Quyết định nhưng không ký.

- Ngày 01/8/2014 UBND xã, Uỷ ban MTTQ xã N, tổ công tác, các đơn vị liên quan đã đến gia đình ông Nhân Văn H vận động hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên gia đình không đồng ý.

- Ngày 17/11/2014 Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tổ chức vận động, thuyết phục đối thoại với người bị cưỡng chế nhưng các hộ gia đình vẫn cố tình không bàn giao mặt bằng, vì vậy ngày 19/12/2014 Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và bàn giao đất đã thu hồi cho Chủ đầu tư quy định.

Các văn bản pháp lý làm căn cứ để Uỷ ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5516/QĐ - UBND ngày 22/8/2013 về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dư án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và dự án Cầu N.

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003 và luật Đất đai bổ sung năm 2009.

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật Đất đai năm 2003: Nghị định số 84/2007/NĐ ngày 25/05/2007 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện

quyền sử dụng đất , trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai: Nghị định số 69/2009/NĐ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Căn cứ Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Uỷ Ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật tái định cư tại xã N phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn V - N và dự án Cầu N, huyện T.

- Ngày 22/8/2013, UBND huyện T ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn Hùng để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và Dự án cầu N.

- Ngày 05/5/2014,UBND huyện T ban hành Quyết định số 2060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Nhân Văn Hùng khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T nói trên.

- Ngày 04/11/2014, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định số 6234/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ gia đình ông Nhân Văn Hùng. Các thành viên được giao đất trong gia đình gồm ông H, bà D , chị Nhân Thị H_1, anh Nhân Văn H_1, chị Nhân Thị H_2, anh Nhân Văn H_2, chị Nhân Thị U, chị Nhân Thị L_1, chị Nhân Thị L_2, anh Nhân Văn D do không chấp hành quyết định thu hồi đất số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của UBND huyện T.

* Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014:

- Về đất: Bồi thường đất nông nghiệp của hộ gia đình với đơn giá là 135.000đ/m2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12: khoản 1 Điều 13 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

- Về cây trồng: Được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 7495/STC-BG ngày 30/12/2013 của Sở Tài chính Hà Nội.

- Các khoản hỗ trợ:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo nội dung văn bản số 8066/UBND-TNMT ngày 29/10/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất cho 06 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội.

+ Thưởng tiến độ: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội.

Như vậy: Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nhân Văn H đã được phê duyệt đúng theo quy định.

Việc ông Nhân Văn H yêu cầu hủy yêu cầu các quyết định: Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định 6234/QĐ-CTUBND ngày 04/11/2014 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông Nhân Văn H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và dự án cầu N là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị TAND huyện T bác đơn khởi kiện của ông H.

Tại văn bản ngày 10/7/2015 và các lời khai tiếp theo, người có quyền nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D, chị Nhân Thị L_1, chị Nhân Thị U, chị Nhân Thị H_1, chị Nhân Thị L_2, anh Nhân Văn H_2, anh Nhân Văn D, chị Nhân Thị H_2 có quan điểm:

Các anh, chị nhất trí quan điểm của ông H do chị H_2 đại diện, đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định như người khởi kiện đã trình bày ở trên. Các anh, chị yêu cầu UBND xã N, UBND huyện T trả lại diện tích đất nông nghiệp đã bị thu hồi để gia đình các anh, chị canh tác và phải bồi thường thiệt hại như ông H đã nêu. Các anh, chị là những người có quyền lợi trong diện tích đất bị thu hồi nhưng đã không được đền bù đất tái định cư, không được thông báo khi Nhà nước thu hồi đất. Bà D , chị Nhân Thị H_1, anh Nhân Văn H_1, chị Nhân Thị H_2, anh Nhân Văn H_2, chị Nhân Thị U, chị Nhân Thị L_1, chị Nhân Thị L_2, anh Nhân Văn D đề nghị các cấp chính quyền bố trí đất cho bà và các con của bà, ngay tại thửa đất bị thu hồi vì hiện nay khu đất này là khu tái định cư, rất nhiều hộ dân đã xây nhà ở, để gia đình bà trồng cây lúa, hoa màu hàng năm lấy gạo ăn hàng ngày. Ngoài ra các ông bà không có đề nghị gì khác.

Tại văn bản tự khai ngày 21/7/2015, anh Nhân Văn H_1, có quan điểm:

Bản thân anh cùng được hưởng 36m2 đất nông nghiệp để trồng lúa và trồng màu hàng năm, để lấy lương thực sống hàng ngày. Anh là người bị nặng tai và sức khỏe không được tốt như mọi người trong gia đình, anh đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi của anh và những anh chị, em khác trong gia đình. Anh, xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 26/01/2018 và các văn bản tiếp theo, đại diện UBND xã N, huyện T có quan điểm:

UBND xã N là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, có trách nhiệm phối hợp cùng UBND huyện T tổ chức thực hiện các quyết định hành chính trong công tác giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H như sau: Ngày 05/5/2014, UBND huyện T có Quyết định số 2060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H. Ngày 01/8/2014, UBND xã N có buổi làm việc vận động nhận tiền và bàn giao đất đối với các ông, bà đại diện cho hộ ông Nhân Văn H. Ngày 12/09/2014, Hội đồng Bồi thường - Hỗ trợ và Tái định cư huyện T có thông báo về việc bàn giao mặt bằng. Ngày 15/09/2014, UBND xã N lập biên bản về việc đại diện hộ gia đình ông H không bàn giao mặt bằng. Ngày 04/11/2014, UBND huyện T có QĐ số 6234/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông Nhân Văn H. Ngày 14/11/2014, UBND xã N có biên bản tống đạt quyết định cưỡng chế. Ngày 17/11/2014,UBND xã N có Biên bản vận động bàn giao mặt bằng (bàn giao đất) để thực hiện Dự án đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H. Như vậy UBND xã N đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ, đã thực hiện đầy đủ các quy trình trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và Dự án cầu N.

Tại phiên tòa:

-Người khởi kiện là ông Nhân Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị H_2, chị L_2, chị U nhất trí với quan điểm trình bày của ông H là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các lời khai, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Người khởi kiện, người bị kiện, người liên quan chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án nhân dân huyện T để vụ án kéo dài, do đó Viện kiểm sát huyện T đã kiến nghị đưa vụ án ra xét xử.

Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vắng mặt sau phần thủ tục phiên toà không có lý do.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và được thẩm tra công khai tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, quan điểm phản đối người bị kiện, quan điểm của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác do các bên giao nộp, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án hành chính này là "Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất", thuộc hoạt động quản lý đất đai. Do vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 - Luật Tố tụng hành chính và nghị quyết 104/2015/QH13 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Tố tụng hành chính.

2. Về điều kiện và thời hiệu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của người khởi kiện đề ngày 29/10/2014 (gửi qua đường bưu điện ngày 03/11/2014, TAND huyện T nhận được ngày 17/11/2014) và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/11/2014 (gửi qua đường bưu điện, TAND huyện T nhận được ngày 27/11/2014), Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 22/8/2013, UBND huyện T ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T.

Ngày 05/5/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông H.

Ngày 07/5/2014, UBND huyện T ra Thông báo số 37/TB-HĐBTHT&TĐC về việc công khai và giao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 08/5/2014, UBND xã N giao giấy mời các hộ dân Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, trong đó có hộ gia đình ông Nhân Văn H do ông H đại diện (nhưng ông H không ký nhận), đồng thời cùng ngày hôm đó Tổ Công tác GPMB đã lập biên bản niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND xã N và Nhà văn hóa thôn N.

Ngày 04/11/2014, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định 6234/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông Nhân Văn H; ngày 15/12/2014, Ban thực hiện Cưỡng chế thu hồi đất - UBND huyện T ra thông báo thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất số 382/TB-BTHCC đối với hộ gia đình ông H.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 - Luật Tố tụng hành chính 2011 thì thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Như vậy ngày 08/5/2014 được tính là ngày mà hộ gia đình ông Nhân Văn H biết được Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 và Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND huyện T. Đến ngày 17/11/2014 thì TAND huyện T nhận được đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nhân Văn H , do đó thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013, Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND

huyện T, Quyết định 6234/QĐ-CTUBND ngày 04/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông H vẫn còn. Ông H có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 103 - Luật Tố tụng hành chính 2011.

Theo quy định tại Điều 9 - Luật khiếu nại 2011 thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 08/5/2014, ông H có quyền khiếu nại các quyết định hành chính nói trên, nhưng ông H đã không khiếu nại. Do vậy việc ông H trình bày: Do không được nhận các quyết định hành chính theo đúng thời gian quy định của pháp luật nên ông không biết để khiếu nại lên cấp có thẩm quyền tiếp theo là không có cơ sở chấp nhận.

3. Xét các quyết định hành chính bị khởi kiện: Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 về việc thu hồi 360 m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông H, thông báo cưỡng chế số 376 ngày 15/12/2014 và thông báo số 75 về việc bàn giao đất ngày 12/9/2014 thấy:

3.1. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ký, ban hành các quyết định hành chính:

- *Về thẩm quyền ban hành quyết định của UBND huyện T:* Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 - Luật Đất đai 2003, khoản 1 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và khoản 2 Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì UBND huyện T là cơ quan hành chính cấp huyện có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình; thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp của UBND cấp tỉnh.

- Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định: Ngày 15/10/2010, UBND TP Hà Nội có Văn bản số 8237/UBND- KH&ĐT giao cho UBND huyện T làm chủ đầu tư xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn các xã T, xã N, xã N, xã L thuộc huyện T để phục vụ nhu cầu tái định cư của Dự án cải tại nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn V - N và Dự án xây dựng công trình cầu N tại Km186+300 Quốc lộ 1A, huyện T.

Ngày 30/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư - UBND TP Hà Nội ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tần kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và Dự án cầu N.

Ngày 22/8/2013, UBND huyện T ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T.

Ngày 03/4/2014, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 1789/QĐ-UBND về việc thu hồi 6.058m2 đất tại xã N, huyện T cho UBND huyện T để thực hiện Dự

án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và dự án cầu N.

Ngày 05/5/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2060/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông H.

Ngày 04/11/2014, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định 6234/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông Nhân Văn H.

Như vậy về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trên của UBND huyện T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND thành phố Hà Nội; Mục 4 nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- *Về thẩm quyền ban hành quyết định của Chủ tịch UBND huyện T:* Theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 7 Điều 127 - Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân quy định thì Chủ tịch UBND có thẩm quyền quyết định và ra quyết định đối với các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp mình, trừ các vấn đề quy định tại điều 124 Luật này. Như vậy đối chiếu với các quy định trên thì việc Chủ tịch UBND huyện T thay mặt UBND huyện T (hoặc ủy quyền) ký Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ gia đình ông Nhân Văn H; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông H là đúng thẩm quyền; đối với Quyết định 6234/QĐ-CTUBND ngày 04/11/2014 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông H thì Chủ tịch UBND huyện T (hoặc ủy quyền) ký ban hành là đúng thẩm quyền.

3.2. Về nội dung các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- *Về việc xác định loại đất:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 607675 ngày 12/6/2006, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số 1268/QSDĐ do UBND huyện T cấp cho hộ ông Nhân Văn H đối với thửa số 06(3) tờ bản đồ 40, diện tích 360m2; mục đích sử dụng: 02 vụ lúa; thời hạn sử dụng: 06/2020; trong đó giao 360m2, đất Kinh tế gia đình.

Tại Điều 2 Nghị định số 64-CP ngày 27/09/1993 của Chính phủ quy định: "Đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp bao gồm đất nông nghiệp trồng cây hàng năm,.....,các loại đất này gồm cả đất làm kinh tế gia đình trước đây hợp tác xã giao,..."

Như vậy UBND huyện T xác định diện tích 360m2 đất bị thu hồi của hộ gia đình ông H là đất nông nghiệp và đền bù theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định.

- *Xét việc thu hồi diện tích đất 360m2 thu hồi của hộ gia đình ông H:* Tại tờ khai về đất đai, tài sản gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất và tại Biên bản kiểm kê đất, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (có chữ ký của bà Nguyễn Thị D ngày 12/4/2014) đều xác nhận thực tế diện tích đất bị thu hồi đang

trồng một năm 02 vụ lúa và 01 vụ màu . Ngày 26/01/2018, UBND xã N, huyện T có văn bản xác nhận về loại đất, nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**,** cũng xác nhận diện tích đất bị thu hồi 360m2 đang trồng lúa và trồng màu**.**

Điều 12 Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ quy định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định cụ thể cho Chủ tịch UBND cấp huyện được quyết định đầu tư các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên. Tại văn bản số 378/UBND-KH&ĐT ngày 17/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận bố trí kế hoạch chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ GPMB dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn qua V - N và dự án cầu N; giao UBND huyện T làm Chủ đầu tư dự án; nguồn vốn đầu tư do Ngân sách thành phố cấp.

Như vậy người khởi kiện cho rằng UBND huyện T tự ý ban hành Quyết định thu hồi đất số 5516/QĐ - UBND mà không có phê duyệt của cấp trên là không có cơ sở.

- *Về việc bồi thường:* Theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 45 Quyết định 108/2009/QĐ- UBND ngày 29/9/2009 của UBND TP Hà Nội thì hình thức tái định cư bằng nhà chung cư cao tầng hoặc tái định cư bằng đất ở chỉ áp dụng đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở và phải chuyển chỗ ở. Trường hợp UBND huyện T thu hồi đất nông nghiệp trồng lúa và hoa màu của hộ gia đình ông H và không bồi thường bằng đất ở hay bằng nhà chung cư là đúng quy định.

Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp của hộ gia đình ông H là 135.000đồng/m2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp của hộ gia đình ông H là 135.000đồng/m2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND TP Hà Nội.

- *Về việc xác định chủ sử dụng đất trong quyết định thu hồi đất:* Do ông Nhân Văn H - người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trong Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Uỷ ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N với hộ gia đình ông H có ghi "....Tôi không đồng ý với việc thu hồi đất kinh tế hộ gia đình này của gia đình tôi. Đề nghị nhà nước để tôi giữ nguyên diện tích này vì đây là phần diện tích kinh tế hộ gia đình cuối cùng, mọi nguồn sống và thu nhập phụ thuộc vào mảnh đất này...Như vậy Uỷ ban nhân dân huyện xác định ông H , bà D và những người con đứng kê khai và nhận tiền bồi thường hỗ trợ là đúng quy định pháp luật về dân sự.

3.3. ***Xét các yêu cầu đòi bồi thường của người khởi kiện:***

Người khởi kiện yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường thiệt hại do đất bị thu hồi nên không cấy lúa và trồng rau màu, tổng thiệt hại do đất bị thu hồi là 230.000.000đồng. Tuy nhiên thiệt hại này ông H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không chấp nhận. Tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Hùng cũng đã xác định bồi thường đất nông nghiệp của hộ gia đình với đơn giá là 135.000đồng/m2, mức bồi thường này áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 12: khoản 1 Điều 13 Quyết định số 108 /2009/QĐ- UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 63/2013/QĐ- UBND ngày 25/12/2013 của UBND Hà Nội.

3.4. Xét yêu cầu huỷ các hành vi của UBND huyện T.

Đối với các yêu cầu của người khởi kiện về việc tuyên chấm dứt các hành vi sai trái của UBND huyện T như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: các hành vi này của UBND huyện T là các hoạt động nhằm mục đích để thực hiện các quyết định hành chính, không phải là các hành vi cá biệt nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 174, Điều 176 - Luật Tố tụng hành chính 2011.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, khoản 1: các Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 174, Điều 176 - Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ điều 31, 38, 39, 40, 42, 44- Luật đất đai năm 2003.

- Các nghị định sau đây của Chính Phủ: Nghị định 181/2004/NĐ- CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai năm 2003: Nghị Định 197/ 2004/ NĐ- CP ngày 03/12/2004 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư: Nghị định 69 ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Các Quyết định sau đây của UBND TP Hà Nội: Quyết định 108/2009/ QĐ - UBND ngày 29/9/2009 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn TP Hà Nội: Quyết định 63/ 2013/ QĐ-UBND ngày 25/12/2013 về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Khoản 1; khoản 7 Điều 127- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân 2003.

- Khoản 2 Điều 34- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Điều 19 Nghị Quyết 02/2012/ NQ- HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí lệ phí Toà án.

Điều 26 - Luật thi hành án.

Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhân Văn H (do bà Nhân Thị H_2 làm đại diện) yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau đây: Quyết định số 5516/QĐ/UBND ngày 22/8/2013 của Uỷ ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 360m2 đất nông nghiệp tại xã N của hộ ông Nhân Văn H để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N: Quyết định số 2060/ QĐ- UBND ngày 05/5/2014 UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với hộ gia đình ông Nhân Văn H khi Nhà nước thu hồi;Quyết định 6234 QĐ - CTUBND ngày 04/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhân Văn H (do bà Nhân Thị H_2 làm đại diện) yêu cầu huỷ các thông báo: cưỡng chế số 376 ngày 15/12/2014 và thông báo số 75 về việc bàn giao đất ngày 12/9/2014, thông báo số 60 ngày 4/9/2014 về việc bàn giao mặt bằng đối với gia đình ông Nhân Văn H.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhân Văn H (do bà Nhân Thị H_2 làm đại diện) yêu cầu tuyên bố các hành vi hành chính của Uỷ ban nhân dân huyện T, Hà Nội là trái pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhân Văn H (do bà Nhân Thị H_2 làm đại diện) tuyên buộc Uỷ ban nhân dân huyện T, Hà Nội phải trả lại và giữ nguyên hiện trạng , khôi phục sản xuất, thu dọn vật liệu, xúc đất cát để gia ông Hùng tiếp tục sản xuất.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhân Văn H (do bà Nhân Thị H_2 làm đại diện) tuyên buộc Uỷ ban nhân dân huyện T, Hà Nội phải bồi thường thiệt hại về sản xuất do bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp.

Về án phí: ông Nhân Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Hùng đã nộp tại BL số AA/ 2014/ 02661 ngày 11/5/2015 tại cơ quan thi hành án T. Ông H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 206 - Bộ luật Tố tụng Hành chính

Ông Nhân Văn H, chị Nhân Thị L_2, chị Nhân Thị H_2, chị Nhân Thị U, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị D, anh Nhân Văn D, đã tham gia phiên toà nhưng vắng mặt khi Toà tuyên án không có lý do chính đáng tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- đại diện Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định của toà án được toà án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên

Nơi nhận:
- *VKSND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS;*